

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 5

(Phần Trung)

Tiếp, “Căn cứ năm trước luận Tứ Tất-đàn”: “Kiếp trước, Mạng trước là đối Thế giới Tất-đàn”: vì kiếp mạng chỉ là y báo và chánh báo, tức thế giới. Chúng sinh tức là Vị nhân, Kiến trước là năng chấp kiến, cùng chúng sinh đồng. Do hai thứ này cho nên có sở vi cơ, tức là kiến diệt thì thiện sinh. Phiền não trước là Đối trị Tất-đàn: Như trong Ngũ đình trị đủ ba độc, chánh dùng Tiểu thừa năng trị trước, cho nên thuộc Tất-đàn thứ ba, cũng chuẩn theo ý luận lấy Đệ nhất nghĩa Tất-đàn dùng đối Diễm môn. Tứ Tất-đàn đây môn thông đáp trả câu hỏi năm trước chương Đại, không chương tiểu. Do văn Tứ Tất ảnh hưởng nhiều nên đứng đầu môn biên soạn giải thích.

Từ “Nếu luận nhân quả” trở xuống: lại dùng nhiều môn phân biệt năm trước: Đầu tiên là Nhân quả môn. Hai trước làm Nhân tức là Phiền não và Kiến, ba trước còn lại là Quả, nghĩa kiêm y báo chánh báo. Tiếp, “Nhất nhân...” là Nhân pháp môn. Nhân (người) nghĩa là Chúng sinh trước, Pháp là bốn thứ trước còn lại, cùng sinh tương đối cho nên đều thành pháp, đều là sở chấp của nhà chúng sinh. “Bốn pháp...”: là Pháp thời môn nên nói “Bốn pháp một thời”, văn thiếu nên lược. Thời tức Kiếp trước, bốn thứ trước còn lại thuộc Pháp. Nếu đối thời nói chúng sinh thì cũng thuộc pháp. “Hai báo chương...”: ba chương môn. Hai báo chương tức Chúng sinh trước và Mạng trước. “Hai phiền não chương”: Kiến cũng chung được gọi là phiền não, “nghiệp ở trong thời gian đó” là phiền não thấm nhuần nghiệp, nghiệp năng chiêu cảm báo cho nên nói “thời gian đó”. “Chúng sinh...”: Trung luận nói ba Giả môn, đối đãi nhau có thể biết, tức Kiếp, Phiền não và Kiến. Kiếp tức dài ngắn đối đãi, Phiền não tức trái thuận... đối đãi, Kiến tức hữu vô... đối đãi. Nếu thông luận thì đều đầy đủ ba giả, Y báo và Chánh báo đều từ ba giả mà thành. Nay từ phân biệt lại biệt thuyết cho nên biệt đối. “Chúng sinh...”: Đại luận nói ba môn Giả thiết lập: Chúng sinh hòa hợp mà thọ

tên chúng sinh Mạng v.v... đều là pháp mà chúng sinh chấp, lại có sở chấp giả danh đối với chúng sinh danh cho nên nói “danh giả thông hai xứ”, xem giải thích đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói.

“Phiền não...”: là Phàm Thánh môn, “Phiền não tại phàm”: nghĩa là các phàm phu quyết định có. Nhưng Kiến ắt tại phàm, phiền não thì thông cả Thánh, như cụ phước Thánh giả và La-hán hướng. Nói “tam thông”: Kiếp giảm có Phật, kiếp tăng chỉ có phàm. Lại, giảm thì có Phật, tăng thì thông các Thánh khác. Lại tăng cùng giảm đều thông hữu vô, do Đại tiểu thừa không đồng, lẽ nào Hoa-tạng tịnh mãn đời kiếp giảm ư? Thường tại Linh sơn, tức là nghĩa này. Chúng sinh danh đủ thông phàm thánh, mạng có phàm Thánh, báo mạng không đồng. “Mạng đoãn...”: là Trường đoãn môn, trong một kiếp luôn luôn sinh cho nên dài ngắn sai biệt. Đây chính căn cứ nhân (người) và do chư thiên cõi Dục thấy xứ Phật mà thuyết. Nếu luận, thì Sơ thiên tức kiếp mạng bằng, Nhị thiên trở đi thì kiếp ngắn mạng dài, cho đến cõi Vô sắc căn cứ đây nói có thể biết. “Ba thông ngắn dài”: Phiền não tại phàm thì dài, tại Thánh thì ngắn. Các kiến ở phàm phu khác thì dài, ở ngoại đạo lợi căn thì ngắn; cũng có thể tại các phàm phu thì ngắn, tại độn căn ngoại đạo thì dài; cũng có thể tại Tiểu thừa thì ngắn, Nhất sinh đoan tại Đại thừa thì dài vì lưu hoặc nhuận sinh để nhập sinh tử. Lại Kiến tiền tận thì ngắn, phiền não hậu tận thì dài. Nay phân biệt trước nhập sinh tử thì không gọi là trước chúng sinh, căn cứ đó mà nói.

“Kiếp chỉ...”: là đời bất đời môn. Mạng là bất tương ứng hạnh pháp, cần phải đời (mang) ấm pháp mà luận thời gian dài ngắn, còn lại đều thuộc pháp chẳng phải Bất đời thời, vì chẳng phải thân cận đời cho nên chỉ tại nơi pháp. “Kiếp thông...”: là nội ngoại môn. Đại kiếp hại khí thế gian cho nên gọi là “ngoại”, tiểu kiếp hại người cho nên gọi là “nội”. Hoặc là có thể bốn trước tích tụ thời thời thông cả nội ngoại. “Ba tiểu...”: là Hại bất hại môn. Vật tức ngoại khí, khi Đại kiếp khởi thì người đã thượng sinh, tùy ba không đồng sinh ba Thiên xứ. “Tiểu kiếp...”: là Ngũ đạo tam giới môn, chuẩn ứng biệt luận ba và năm xen lẫn nhau, cho nên hợp nêu rõ, thông cõi Sắc như trước.

Nói “Mạng thông”: Cũng nên nói bốn thứ trước còn lại thông nơi Tam giới ngũ đạo. “Mạng thông” đầy đủ như trong Câu-xá luận nêu rõ. Ngũ đạo sống lâu khác biệt nhân gian năm mươi năm..., cũng nên nói thông nơi tứ sinh (bốn loài), tứ sinh đều có dài ngắn. “Kiếp trước thì...”: là Cộng biệt môn. Tiếp, “Tiểu kiếp...”: là Thông biệt môn. “Từ tám vạn...”: là giải thích Đại tiểu kiếp. Nói “chánh tam độc”: Tịnh độ

phương khác, như nước A-súc, cũng có người nữ không có tà dục. Nên một căn cứ theo đó thì nhiều cõi khác theo lệ có thể biết, rộng trải qua các cõi phân biệt không đồng, cho nên nói “vân vân”. “Đốc thúc chân” là đốc thúc thật đắ, cho nên bài xích, nói “phi” (chẳng phải), thượng mạn cũng như vậy. Cuối cùng là người không thật đắ mà không tin. “Tự” cũng là “kế” (nối dõi). “Thân còn vô lượng”: Trong Tiểu thừa giáo không nói lại có giới ngoại sinh xứ, có chấp Biến dịch tại giới nội thì cũng gọi là sinh xứ. Trong Đại thừa giáo vì Biến dịch sinh xứ kia nhiều, cho nên nói “vô lượng”. Đây thuật ý bức bách, nói rằng: trong đó chỉ nói danh Tăng-thượng-mạn, ý chỉ La-hán. Nếu thật đắ thì lẽ nào có người không phát tâm Đại thừa ư? Chính dùng Đại thừa mật mà bài xích. Nếu cho rằng cứu cánh thì nên Biến dịch tận, nếu chưa tận thì vì sao không tin? “Gặp được đức Phật khác”: Văn đầu do có Phật các cõi khác, gọi là “Đức Phật khác”. “La-hán thọ thân đời trước”: trả nghiệp trước cho nên gọi là “thân đời trước”, vì là phiền não quả nên “cần phải diệt”. Nếu phiền não sở hoặc năng bất diệt thì có lỗi nhân quả không đồng. Nếu nói biên tế định lực trì khiến không diệt, thì nay hỏi biên định là Đại hay Tiểu? Nếu là Tiểu, thì Tiểu không gọi là Biến dịch, cũng không nói là vĩnh thường. Nếu nói là Đại, thì biên đại trừ, danh chỉ tại Đẳng giác, lẽ nào được sau thọ ký tức là Đẳng giác ư? Nếu Đại nhập Tiểu định, thì rõ ràng Đại không có dụng của Định. Có người dẫn “La Vân”, đây không nên như vậy. Chỉ sau khi Phật diệt độ, các A-la-hán ẩn hiển không đồng đều tùy cơ duyên, hướng chi vốn là Đại Bồ-tát? Đây là trong Đại luận Bồ-tát Long Thọ giả thiết lập câu hỏi này, và muốn căn cứ Đại giáo tùy đáp đầy đủ. Cho nên, trong văn đáp nói “không sinh tam giới”, hướng chi luận lại dẫn Pháp Hoa để chứng minh. Cho nên, biết rằng: nói Bạc địa thì không có giáo nào có thể căn cứ. Nghĩa “nước khác” xuất từ tha nhân, cho nên người xưa nói: Học không thầy đâu có nghĩa không gặp khó khăn. Cho nên Pháp Hoa đây chẳng phải đây thì không rõ. Lại nếu Biến dịch không ra ngoài giới mà nói “sinh trong năm đường”, nói khước từ nhập sinh tử mà dụ “kinh sợ vào nhà lửa”, thì chẳng phải vẫn nói một ngày Niết-bàn, liền là hư cấu. Từ “Ngài Nam Nhạc” trở xuống: ba phen giải thích đều là Nam Nhạc giải thích.

Tiếp, trong phần giải thích nói: “La-hán nếu tu niệm Phật Tam-muội...”: nếu nói niệm mười phương Phật thì đã phát Đại tâm, nếu chỉ niệm Thích Tôn thì chính là nhân Tiểu cảm Đại, cũng là cơ phát khiến như vậy. Nhưng trong Tiểu thừa các bộ không đồng, cũng có tin có mười

phương Phật, tức người Tiểu thừa tu đệ Tứ thiên biên tế định lực. “Thấy mười phương Phật...”: niệm Phật quán thành cảm Phật vì thuyết. Thứ ba nêu “phàm phu”: Nêu phàm phu hướng chi Thánh! Cho nên La-hán ắt không có lý không nghe Pháp Hoa. Ý “Dao sư” nói: Thật đắc La-hán không có người nào không tin, không cần gặp Đức Phật khác, gặp Đức Phật khác tức chỉ phàm phu, Nam Nhạc lẽ nào không biết: phàm phu thì sau khi Phật diệt độ năng sinh tin ư? Cho nên gặp đức Phật khác, ắt chỉ La-hán. Nên kinh Tịnh Danh nói: “Phàm phu có trở ngược lại mà Thanh văn thì không”, cho nên biết Thanh văn khó hồi chuyển mà cần phải thương nghị, phàm phu dễ thọ tại sao cần dẫn theo lệ? Từ “Có người nói” cho đến “ắt như vậy”: là ý phá Dao sư. Lập “không tin” nghĩa, cũng không như vậy, tâm chấp kiên cố ắt tại giáo xưa, không nên chứng minh đây là văn sau khi Phật diệt độ. Sư này lại dẫn chứng Thân-tử nơi Pháp Hoa ban đầu nghe văn lược khai, để chứng minh sau khi Phật diệt độ thì La-hán không thọ nhận. Ý nói gặp Phật mà La-hán còn nghi là ma, hướng chi sau khi Phật diệt độ lẽ nào chịu tin thọ ư? Nay thì không như vậy, Đức Phật dự biết đôn đốc đều tin, cho nên sau khi Phật diệt độ chấp kinh quyền thuyết, nghĩa chấp nhận có thể như vậy. Trong cụm từ “Không chỉ phàm phu vân vân”, thì “vân vân”: là lẽ ra rộng nêu ý La-hán và dùng ý phàm phu tin không tin, để phá sư đây và chọn Dao sư. “Đây thẳng giải thích sai khác...” chín chữ (Thử trực dị giải bất dụng thử nghĩa dã.): E rằng phải viết chữ “bạch” chỉ hai sư trước cũng chẳng phải hoàn toàn lỗi, chỉ vì chưa hoàn toàn thuận ý kinh đó thôi! Không thể hoàn toàn phá, cho nên nói “giải thích sai khác”. Nếu luận Dao sư thấy trái văn kinh. Kinh nói “La-hán gặp đức Phật khác thì sinh tín”, mà Dao sư nói không cần (phải), Ý kinh nói “Trừ sau khi Phật diệt độ, muốn hiển bày Tứ y thông kinh công năng”, mà Dao sư không dùng Tứ y. Vì Đức Phật khác tức là La-hán ba căn nghe cùng không nghe, đều không nhờ từ biên Tứ y, nghe thì thâm sâu không thể được. Lại lấy phàm phu để so sánh, đây thì có thể như vậy, chỉ cần nói gặp Tứ y thôi! Ý sư sau nói: “Phàm phu dễ, La-hán khó”. Đây cũng nói trái kinh quyết liễu nghĩa, cho nên không dùng ý đây.

Tiếp, “giải thích kệ tụng”: “Ba loại: Thượng mạn, v.v... bốn chúng đều có”: lại phàm phu thượng mạn có năm thứ không đồng: Nghĩa là bốn thiện căn và dùng bốn quả, nghĩa thông dễ biết vả lại sau biệt nói theo phần nhiều, cho nên kinh nói: Bốn chúng Tỳ-kheo v.v... có ba lỗi này. Đối với riêng ba lỗi này vẫn từ “Phất tịch” (quét dọn chỗ ngồi) mà nói. “Che giấu lỗi”: là giải thích ba lỗi, “che giấu lỗi bày đức”: là

giải thích “thượng mạn”. “Không thể tự tỉnh”: là giải thích “ngã mạn”. “Người vô tâm: là giải thích “bất tín”. “Nếu tự thấy lỗi” không có ba lỗi này thì tuy chưa chứng quả vẫn gọi là “có hổ thẹn”. “Nơi giới”: giới danh thông mười, tức như Đại luận Đại kinh nói mười thứ không thiếu không phá..., nghiệm biết ba lỗi, còn không có không thiếu, hướng chi đạo cộng, cho nên nói “khuyết...”. “Luật nghi” có ba: Nghĩa là không thiếu, không xuyên, không phá kiem không tạp. Nếu y Đại luận, thì không thiếu sót cái thứ ba. Nếu y Đại kinh thì không thiếu sót cương vị đứng đầu, danh đồng nghĩa khác đều có ý kia, đầy đủ như giải thích nghĩa. Nay lại y Đại Kinh dùng ba thứ: không thiếu... và định cộng, đạo cộng tức sáu giới. Cho nên biết trong sáu nếu không có hai cái sau thì còn gọi là “lậu”, hướng chi đạo cộng định cộng phán xét tại Tam tạng tứ quả. Nay lại luận gần thì không có đạo, định. Cho nên người có ba lỗi mà còn không có Noãn pháp, hướng chi có Tứ quả. “Hà” là tỳ vết ở bên trong viên ngọc nên nói “nội khởi”. “Tỳ” là tỳ vết ở bên ngoài viên ngọc cho nên nói “ngoại động”. Tỳ vết bên ngoài gọi là “khuyết”. Tỳ vết bên trong gọi là “lậu”. “Tiểu trong tiểu”: là bốn quả đã tiểu, bốn thiền lại tiểu, trí đã cực tiểu, hướng chi thêm Tăng-thượng-mạn. “Tào kang”: Nếu y thiền thế gian để đắc vô lậu, thì như bỏ “tào” (bả) được rượu, từ văn nhập lý như bỏ hết “kang” (cám) ra thì được gạo. Đã không có vô lậu, mà ngược lại chấp thiền thế gian thì ví như bỏ rượu mà giữ bã (tào), không đắc chân lý, trái lại đề cao văn tự thì ví như bỏ gạo mà giữ “kang” (cám).

“Chúng như thế có năm ngàn”: Là lấy có hiển không, có lỗi thì không đắc. Nói “chấp văn tự” (phong văn): cũng nên lại nói “chấp thiền là thật”, ví như có bã không rượu. Trong văn có hai giải thích, giải thích đầu là chánh, giải thích sau lại kiem thật hành Thanh-văn. Đồ chúng đó đứng dậy ra đi cũng do hiện tại chưa có căn cơ Đại thừa cho nên thoái lui, như có bã mà không có rượu, có cám mà không có gạo. “Cành lá”: Không có tài nhập đạo.

Hỏi: “Cơ” và “khí” có gì sai khác?

Đáp: Tuy đều từ thí dụ đều có một ý, nhưng “Cơ” luận về khả năng phát, nói “khí” nghĩa là kham nổi trách nhiệm, được thân trời người thì gọi chung là “khí”. Do chứa ba lỗi nên “khí” thành “phi hảo” (không tốt), do hạt giống đời trước gieo lại nhỏ, không có cơ có thể phát, hai nghĩa đều thiếu, do uy thần Phật nên khiến họ ra đi.

“Có ba điều khác nhau”: 1. Liệt kê. 2. Giải thích. Liệt kê nói trên có tán thán pháp hy hữu: là trong sáu đoạn của chương chư Phật

bên trên chỉ không có hai đoạn sau cho nên có tán thán pháp. Văn nói: “Diệu pháp như vậy chư Phật Như Lai đúng thời mới nói” mà không có văn nói Ngũ trước. Trong tụng không có tán thán pháp. Đầu sau: Trên trước tán thán, pháp như trước nay đã dẫn. Nói “bất hư” thì văn tiếp mới nói: “Các ông nên tin lời Phật nói không hư vọng.” Và để khai hiển, trên khuyến tín cùng bất hư hợp. Trên nói: “Các ông phải tin lời Phật nói không hư dối”. Nay cách biệt bất hư là nay trong tụng “khuyên tin” ở trước, “bất hư” ở sau. Trong đó cách biệt văn Ngũ trước, cho nên trước bốn nay năm, do tách khuyến tín làm hai. Nên nói trong khuyến tín bất hư là ngũ trước sở cách. Chương An lại nói: “Trên do Đức Thích-ca phương tiện dùng giải thích chư Phật thiết lập Quyền”: Trên giải thích chư Phật khai Quyền, văn nói: “Ta dùng vô số phương tiện các thứ nhân duyên thí dụ ngôn từ” để diễn thuyết các pháp. Trong kệ, như văn. “Tu đạo đắc nơi các quyền pháp”: là tự hạnh nhân mãn thì cảm quyền pháp, chính đương là quyền trong thể tự hành tức pháp thể đây cũng không thể nói. Dùng phương tiện cho nên vì chúng sinh mà thuyết thành “hóa tha quyền”, tức văn nói Chiếu chín pháp giới trở về sau.

Cho nên, biết rằng nói “lập một khai quyền”, mà đối nay bèn thành hai ý: 1. Nêu cao (đăng) xưa thi Quyền. 2. Làm chỗ hiển thật. Không chỉ sở khai thì không do đâu mà thuyết Thật, hướng chỉ chỉ cho mọi người biết Quyền là Quyền, biết đó chẳng phải cứu cánh. Đã hiển Thật rồi thì Quyền toàn là Thật. “Chiếu căn cơ của chín pháp giới thuyết Thất phương tiện”: chín là đối tượng được gia bị giáo không ngoài bảy, nói bảy gia bị chín dần dần khiến nhập thật. Nhân pháp chín và bảy cho nên lập tổng nói. “Chín pháp giới” là từ tự phần mà đặt tên. “Phương tiện” là căn cứ nơi tiến đến mà gọi. Lại, chín pháp giới là căn cứ căn cơ chúng sinh mà đặt tên. “Phương tiện” thì từ hóa chủ mà được tên. Tổng nêu không đồng cho nên nói “bảy, chín”.

Nói “không thể định phán”: Trong bảy, chín tùy những căn cơ nào; nghe những pháp nào gặp căn cơ liền hợp, cho nên nói “bất định”. “Hiện khởi...”: Niệm ắt đối cảnh cho nên nói “hiện khởi”. Nói “chủng chủng” (các thứ) cũng không ra ngoài bảy, chín! “Quá khứ...”: là giải thích “dục tánh”. “Dục” chỉ là niệm, cho nên biết chỉ là trước thì dùng hy vọng để giải thích niệm, tiếp thì dùng vui thích để giải thích “dục”. Cho nên, biết rằng: “niệm” thì nói nội tâm, “dục” thì luận đối cảnh sinh tướng, nay chỉ căn cứ sự hâm mộ ưa thích, thông theo dục làm tên, không mượn đối niệm biện biệt, cho nên chỉ dùng dục đối tánh hai đời mà phán định.

Hỏi: Trước nói quá khứ gọi là căn, vị lai gọi là tánh, nay vì sao nói quá khứ gọi là tánh?

Đáp: Đều có ý kia. Tánh chắc không sửa đổi, cho nên từ hiện lại đến vị lai từ quá khứ đến nay, hai xứ đều được tên “tánh” cho nên như vậy. Cũng có thể hiện tại gọi là “căn” bởi vì sinh vị lai, nhưng “căn tánh” thì mới có thể xen nhau mà nêu lên. Lạc dục ắt ở hiện tại, tên “dục” tuy không từ quá khứ cũng có thể do hiện tại vọng đướng lai, dùng danh lẫn xen cho nên cố lập lại giải thích nói: “Hoặc có thể huân tập dục để thành tánh, thành tánh sinh huân tập dục”. Câu trên thì hiện tại dục thành vị lai tánh, câu dưới thì quá khứ tánh thành hiện tại dục. “Vân vân”: là Hoặc có thể quá khứ dục thành hiện tại tánh, hiện tại tánh thành vị lai dục, hoặc có thể quá khứ dục thành quá khứ tánh, hiện tại dục thành vị lai tánh. Vậy thì tên “dục” tuy thông quá khứ vị lai vẫn từ hiện tại nói. Cho nên, biết rằng tên “dục niệm” định ở hiện tại. Từ “Thất phương tiện” đến “vân vân”: Đây đủ như trong Chỉ Quán tùy tự ý quán, trong quán ác. Nói thông đồ (đường thông) thiện ác là nghĩa đó. Từ “Độn căn” đến “ý thiết lập quyền”, đây là văn trường hàng, nay không nói trường hàng chỉ vì kệ cùng trường hàng không đồng, tùy sự trọng yếu thì biện rõ đồng khác. Hoặc có thể lược nêu rõ ý thì có thể biết.

“Ta bày (thiết) phương tiện đó” trở xuống: ba hàng tụng lý. Văn phần nhiều nói “thuyết” thay vì “thiết”. Nói lý đó thế nào? Như nói chưa từng thuyết vì thời thuyết chưa đến, tùy thuận thuyết v.v... cũng là dùng năng hiển sở. Căn cứ theo các lệ trước lược cũng có thể biết. Nay văn chính dùng Phật tuệ làm hạnh lý. “Thanh văn kiêm đắc Duyên giác”: Trong số Thanh-văn có người gặp Phật Duyên giác. Lại Tam tạng Thanh-văn ắt kiêm đướng giáo Duyên giác. Lại Bồ-tát đã bao gồm Tạng Thông, Nhị thừa ắt đủ hai giáo. Bồ-tát không nói Biệt: Trước dùng tịnh tâm làm Biệt giáo xong. Đã dùng Thanh văn Bồ-tát làm nghĩa lập, cho đến một câu thủy đều thành Phật.

Lại, khuyên răn nói “không nghi”: Nên biết đây là lời nói rất thành thực của bậc cực Thánh mà không chịu tin. Đại kinh nói: Hết thủy Nhị thừa vị lai nhất định quy về Đại Bát Niết-bàn như các dòng nước vào biển. Lại Bồ-tát cùng Nhị thừa hợp nêu rõ. Phải biết tam thừa ắt đều được hội. “Điệp giả danh tam giáo...” Tam giáo là giả danh, giáo bản nhất thật cho nên “tam” là giả. Vì chúng sinh mà giả thiết lập Quyền: Tam tạng... Nay đã hiển Thật lại lần nữa nêu đối tượng bị trừ bỏ để chỉ bày Phật tuệ, tức câu trên đã liệt nêu. “Không hai: là không có

hai thứ Bán và Mãn đối nhau trong Thông giáo”: thông chân bao hàm hai. Do thiếu Biệt giáo cho nên lại dẫn các thừa khác còn lại ở trên đến đây giải thích thành. Nói “giả” tức là Thông luận tam giáo, nói cái khác và dùng hai, ba. Lại nói “tương nhập” do có cái khác đều là giả cho nên được tương nhập. Không có cái khác thì không còn gọi là tương nhập, bởi vì thuần nhất. Đây vẫn nói ba vị: Sữa, Sinh tô và Thục tô xong.

“Một hàng rưỡi đầu, nêu nội tâm”. Kinh nói: “Như ta xưa đã nguyện, nay đã đầy đủ rồi”.

Hỏi: Đức Phật ban đầu lập nguyện nguyện độ tất cả chúng sinh, nay chúng sinh còn nhiều thì nguyện làm sao mãn?

Đáp: Hãy cứ theo một kỳ, nói tổng quát là: Chỉ khiến chúng sinh đắc nhập Phật thừa thì gọi là nguyện mãn. Cho nên kinh nói: “như ta không khác”.

“Nếu ta gặp chúng sinh...”: là nêu trước không chướng Đại. “Gặp”: là tận khiến nhập Phật đạo. Không trí không thọ, nên gọi là “chướng Đại”. “Chúng sinh”: Trong văn có ba giải thích: 1. Giải thích đối “tha” đắc danh. 2. Giải thích từ “tự” lập xưng. 3. Giải thích tức là công năng. Tân dịch sợ lạm xưng làm hữu tình. Tuy giản lược vô tình mà ba nghĩa đều lỗi. “Mười loại chúng sinh, Sinh tử ngấn” trong đó nói “phạm hạnh ít nói”: là ở Dục giới các địa pháp như vậy nhiều lời; do có ngôn ngữ đều do giác quán, do ít lời nên biết giác quán thiếu, phiền não tạm mông cho nên nói “ngấn”. “Phương”: Cũng như phương vật động tĩnh định, ở đây chết rồi định sinh lên cõi trời. “Tam giác”: Giác là tụ, tức thiện, ác, vô ký, ở trong sinh tử khắp làm ba thứ nghiệp này. Các luật luận văn phần nhiều dùng tụ gọi là giác, thiếu giải thích “tử (đỏ tím)” tức Tu-la. Tu-la có nhiều chủng loại gọi là thiên, quỷ, súc sinh như sắc đỏ tím, lại luân hồi. Như Kiến Bảo Tam-muội kinh nói: “Từ địa ngục đến, thì nghe tiếng hét bỗng gấp run sợ, mộng thấy lửa lớn thiêu cháy... Từ súc sinh đến, thì ám độn giải đãi, ăn nhiều tánh sợ, ngượng nghịu chậm chạp, hành động phần nhiều tự như các trùng súc sinh... Từ quỷ đến, thì tóc vàng thường đói khát xan tham... Các loài khác so đây có thể biết”. Kinh rộng nói đủ.

“Ta biết...”: là biệt nêu năm trước: Trước khai chương nói: biệt nêu năm trước chướng ba, năm trước vọng ba ắt không thể chướng, vì ba sở trị là sở trị chướng, cho nên nói chướng, cũng là có trước cho nên không ba, có ba cho nên không trước, cho nên nói chướng. “Thọ thai vi hình”: Đầu văn tức căn cứ quán tâm chỉ tùy tiện thôi chỉ nói từ tâm tức gọi là quán tâm, kỳ thật trong đây vẫn đối sự giải thích. Do đây nhất niệm

tâm rất vi tế cho nên khiến tăng trưởng. Tiếp, “Thọ thai...”: toàn căn cứ sự giải thích lược như trong Chỉ Quán quyển bốn nói dẫn kinh Nhập Thai. Có người lập đủ thọ thai chương môn, đối với ở đây thì chẳng phải là trọng yếu. Nay ý chỉ tại hiển nghĩa năm trước cần thiết lập Quyền, liệt kê danh mà đã nêu đầy đủ ý trước. Đâu ở đây rộng kiến lập chương dài khiến mê đường, như thế nghĩa là Pháp Hoa cũng nêu rõ năm trước cùng Bà-sa không khác. Như người đời nói: “Pháp Hoa cũng nêu tam thừa”, kia lỗi như vậy. “Thọ Ấm Thân”: E rằng chỉ là Nhập Thai kinh nói tổng có ba mươi tám lần bảy ngày để luận tăng trưởng. Như luận Câu-xá... vẫn chỉ liệt kê năm vị nói: Đầu tiên là Yết-lặc-lam, tiếp là sinh Ác-bộ-đàm, từ đây sinh Bế-thi, Bế-thi sinh Yết-nam, tiếp là Bát-la-xa-khư. “Hoặc là nói như trong kinh Đại Phẩm nói”: tức căn cứ hai mươi thân kiến, như... đầy đủ như trước dẫn. “Thời gian dài...”: Nay vẫn đầy đủ hai nghĩa cho nên kiếp được gọi là trước, trong văn đầu chỉ có nghĩa thứ hai, sau trong liệu giản mới có nghĩa đầu.

Tụng “Chương quá khứ Phật”: hai hàng đầu chánh thiết lập tam, gọi “thi” (thiết lập) là “khai”. “Một hàng đầu lược tụng Tam nhất bên trên”. Trong văn dùng “Giáo, Nhân, Lý ba Nhất, kiêm đặc Hạnh Nhất”: có đủ hai ý: 1. Thông kiêm, đã có ba thứ kia lẽ nào không có Hạnh ư? 2. Biệt kiêm, tức dùng hai chữ “Phật đạo” để kiêm đó, sở thú là Lý, năng thú là Hạnh.

Trong “Một hàng rưỡi đầu tổng căn cứ năm thừa” dùng “Nhân, Hạnh kiêm Giáo nhất”: Đã có Nhân, Hạnh ắt có sở bẩm tức là Giáo. Trong đây “dùng Thất phương tiện” làm “dị phương tiện”, do Tạng nhân không đồng Diển môn, cho nên thành hoàn toàn sai khác, các văn khác phần nhiều dùng. Nay thông dụng: Chưa đồng Viên thì đều gọi là “dị”.

“Nếu có...”: “hai hàng khai Bồ-tát thừa”, trong đó hai giải thích tiến, thoái cũng có hai nghĩa. Danh xưng “năm thừa” chỉ tại Lộc uyển. “Thất phương tiện” danh thông cả ba vị. “Hành lục độ” không hạn cuộc nơi một giáo, cho nên có thể thông cả ba. Dùng Tam tạng làm bản cho nên nói “kiêm Thông, Biệt”. “Vì sao...?”: là giải thích xuất tam giáo lục độ hạnh tướng. “Phi tướng phi vô tướng thứ đệ hành”: là song phi, tức là sở tứ (cái bị tách ra), cũng nên thứ lớp xuất tam đế hành tướng. Nhưng dùng tướng vô tướng cùng luận tức tam đế. Lại nhập địa tam đế không còn luận khai, nhưng trong Bồ-tát thừa cũng nói: “Xưa nghe pháp đã thành Giáo nhất” tức là: “Nếu Bồ-tát không khai thì đâu cần dẫn xưa khiến thành Giáo nhất”. Cho nên, phạm nói “xưa” thì đều đủ

hai ý: 1. Tại xưa nghe quyền. 2. Xưa đã từng khai. Nay chánh nói xưa nghe Quyền là xưa khai đã xong đều thành Phật đạo. Nghĩa đầu căn cứ hóa nghi nói, ý tiếp căn cứ khai xong nói. Đi xuống các thừa còn lại mỗi mỗi đều như vậy; xưa Phật cũng vậy. Trong văn Nhị thừa có Nhân, Lý, Hạnh, không nói kiêm Giáo, chỉ là lược văn. Văn Bồ-tát ở trước cũng dùng ba kiêm một sau khi chư Phật diệt độ, cúng dường xá-lợi: Nếu do hiện tại so sánh quá khứ như trong Tăng Nhất nói: Phật nhân đưa cao xá-lợi rộng xưng tán rồi, khiến nơi ngã tư đường mà khởi Thâu-bà. Phật dạy: nên xây tháp cho bốn hạng người là Luân vương, La-hán, Bích-chi-phật và Như Lai. Sau phân nói: Luân vương không cấp bậc, La-hán bốn cấp, Bích-chi-phật năm cấp, Như Lai mười ba cấp. A-nan hỏi Phật: Vì sao như vậy? Phật dạy: Luân vương tự hạnh hóa tha thường trú thập thiện, La-hán không thọ thân đời sau, Bích-chi-phật không có thầy tự ngộ, Như Lai các đức đầy đủ. Người đời trên thì chưa bằng sơ quả, lẽ nào chịu dưới bậc Luân vương, sau khi diệt độ xây tháp không biết tiến không? Động tức đều đến ba, năm, bảy, chín. Đời cận đại xây theo theo chiều dọc, nói là Phương phần mà mái đưa ra cho nên trở lại thành một tầng. Ám: Tuy mê muội lẽ nào chẳng phải tối tăm nơi sơ quả ư? Có phương phần biên nói “tạo tháp công đức”, nghĩa ấy lại lỗi, khiến người ngu chỉ lẽ thấy ta, hoặc lại đối cao lẽ thấp hướng lại lân cận nối tiếp tôn ti không thành, ý không tiện không thể luận đủ. Dù rằng người chết mờ昧 mà rõ ràng người sống còn bận rộn, hướng chi nay nói xá-lợi, hạn cuộc tại nơi Phật, cúng xá-lợi Phật phước thuộc nhân thiên, khai nhân lâu dài mới gọi là Phật đạo, hướng chi nay phạm chất sinh phước sự khó. Người thiện từ đây không nên huân tập theo thế tục. “Địa sư” nói “Đồng chân địa”: địa lập danh đồng chân. Chỉ vì người xưa nói: “Trụ làm năng trụ, Địa làm sở y”, cho nên dùng tên “trụ” mà gọi là “địa”. Dựa theo “trụ” làm tên thì từ lâu rất xa. Vì vẫn còn sâu cho nên thêm vào đó dùng “địa”. “Nay cho là...”: trách nói trái văn. Trong văn chỉ nói “đồng tử”.

Nói “dọc hẹp”: Là ngang thì thâm tiểu thiện, dọc thì thành nhân Phật, tức là ngang dọc không trái, chẳng sâu chẳng cạn mà sâu mà cạn. Nếu dùng “đồng chân” để giải thích thì chỉ có dọc mà không có ngang, hướng chi dọc sâu không có thì sẽ bỏ rộng trái văn, là biết “dọc hẹp” cả hai đều có lỗi. “Đặng địa...”: là phá lỗi chỉ có sâu, vẫn lược lỗi bỏ ngang. “Nay dùng...”: là chánh giải thích thâm nơi đồng tử (trẻ nhỏ) để hiển ngang rộng. “Chỉ vi tế tức chấp”: dùng để biện minh dọc sâu, chấp tại vi tế sâu tức chẳng sâu, vi tế tức chấp cạn cũng chẳng cạn,

“chỉ vi tế tức chấp” duyên nhân nghĩa thành, tức quán chấp, chẳng phải ở đây có thể biện. Bên dưới lệ như vậy. Cho nên nhập địa thành Phật như Tu-la qua biển, đây căn cứ kinh Anh Lạc cho nên nói “nhập địa”. “Người phạm phu” một chút thiện đi tắt thành nhân Phật, như “người qua biển lớn”. Từ “Phật phân minh...”: là lần nữa lập lý để bày xích hai lỗi. “Nếu như...”: lại nêu lỗi để bài bác. Lại theo lệ trên dưới cũng gọi là trái vắn. Nếu sợ đồng tử sự nhỏ bé không xứng Phật đạo, thì tâm tán loạn một phen xướng lên làm sao hiểu rõ nghĩa dung thông? Chấp tay đưa tay cao đều ứng lý giải thích. Cho nên biết chỉ còn Phật đạo, không biết khai Quyền. “Hầu như (đãi) không nhiếp Nhị thừa”: “Đãi” là “Cơ” (gần như). “Cơ” là “Cận” (giống như). Lẽ ra nói “hoàn toàn không thu nhiếp”. Tại sao chỉ “gần như” ư? Nếu tại đồng chân thì vẫn còn không nhiếp lục địa, huống chi là tiểu đạo. “Luận sâu...”: là kết “dọc hẹp” kia. “Định rộng...”: là kết lỗi “dọc hẹp”.

Tiếp, “Vấn đáp”: Trong “đáp” ý nói “ba Phật tánh”: Quá khứ chút ít thiện nguyện trí làm ra đều hướng đến Bồ-đề, như lửa cháy hướng hư không, về lý luôn đều tắt, nước chảy về biển “pháp nhĩ” không ngừng, chỉ do nguyện trí chưa giúp, tiện phong cho quả báo, cho nên đợi nay Khai mới là “duyên nhân”. Nếu căn cứ ý hóa thì đâu đợi đây khai, nếu thuận phạm tình mà lập thì dùng cận xứng. Nay khai cận chấp pháp giới bản như, lẽ nào do phạm tình hạn cuộc nơi dòng, lửa kia, trong quan hệ tuy lập thiện không thọ báo mà không rõ thể của thiện vốn dung thông, chỉ vì chúng sinh từ vô thủy chỉ chuyển lưu vọng ngã, phạm sở tu tập chưa từng không cùng nó. Nói “Không thọ báo”, thì căn cứ vào đâu mà lập! Nếu căn cứ người đã phát tâm, thì do nguyện hạnh sở dẫn, tại sao liên quan đến thiện không thọ? Người chưa phát tâm đến thì tùy sinh thâu nạp phước, thiện này lẽ nào ngăn cấm khiến không thọ ư? Cho nên, biết rằng nói “không thọ” là thiện thể không có lực. Phải biết: người từng báo đáp, thì nhân kia đã xong, người chưa báo đáp thì chút thiện cũng không quên. Nếu từng phát tâm thì như nước ký thác vào biển. Báo đáp hạn cuộc nhân (Thù cục nhân), như quả đáp hoa, cho nên nay ở kia nhân chưa báo đáp. Khai hạn cuộc tình kia và từng thú hưởng Quyền thừa đạo, dùng nhất Thật quán nhất Đại hoàng thệ nguyện, thể nghiệm điều đó, nói điều đó. Nếu không như vậy thì luống uổng nói “Thuyết khai”. Nếu không quán thì nên khéo thể nghiệm tự mình đến Bồ-đề đâu cần lại tu Bồ-đề hạnh nguyện.

Hỏi: Nếu vậy, thì vì sao bản luận nói đồng tử đùa giỡn nhóm cát thành tháp Phật ... gọi là phát Bồ-đề tâm hành Bồ-tát hạnh, sở tác thiện

căn năng chứng Bồ-đề? Chẳng phải các phàm phu và quyết định Thanh văn, là người chưa phát tâm, mà có khả năng đắc ư?

Đáp: Đây chính là từ khai mà nói, chẳng nói bản thiện, cho nên biết định tánh và hiện chưa phát tâm dù có thiện đời trước như cát sông Hằng trọn không có lý tự thành Bồ-đề, cho nên nói chẳng phải kia năng đắc.

Nếu chưa khai thì chỉ trong khoảnh khắc lại qua đi đã thành phi (lỗi). Nay nếu được khai thì trước đã làm thành rồi. Cho nên biết thiện thể vốn vi diệu tùy tâm của người chấp. Vì vậy cho nên khai tâm thì thiện đời trước đều thành. Tiếp, “Đại kinh...”: là giải thích nguyên do xuất duyên nhân, ba mươi hai văn liệt đủ trong bốn câu: Xưa nói “người Xiển-đề không có”: là quyết định không có tánh thiện, chỉ có cảnh giới tánh ác, năm ấm ác thôi! Người thiện căn có liễu nhân tánh, đều có chánh nhân, đều không có quả tánh. Hà Tây nói: Người Xiển-đề có ác ấm tánh, người thiện có thiện ấm tánh, đều có vô ký, đều không đồng trước. Hưng Hoàng có ba giải thích: Thứ nhất là căn cứ lý giải thích, lý chẳng thiện ác, có hai dụng kia, tức chỉ hai hạng người đều có một loại dụng thiện ác. “Đều có đều không”: là xen lẫn được có không một bên. Hai giải thích còn lại không chính yếu. Chương An nói: Đây giải thích trong sông Niết-bàn có bảy loại chúng sinh, nên nói người Xiển-đề thường chìm, người thiện thường nổi. “Đều có” là đều ở trong sông, “đều không” là đều không đến bờ, cùng dùng quả tánh làm “đều không”. Lại, căn cứ Tam đế giải thích: Người Xiển-đề chỉ có Thế đế nhân ác, người thiện chỉ có Chân đế nhân thiện, đều có Thế đế quả thân, đều không có Trung đạo nhân quả. Trong các giải thích tuy có chút ít khác nhau, nhưng một câu Người thiện kia ý chỉ đại đồng. Cái không đồng kia, nay không rảnh giải thích. Đây đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Cho nên nay dẫn “đồng”: là chứng duyên nhân thiện. Hỏi: Trên giải thích Tam thừa đều dùng quả thành làm câu Lý nhất, nay Nhân thiên thừa vì sao dùng Phật đạo mà làm duyên nhân ư?

Đáp: Do sở khai không đồng, trước khai hai giáo nhị thừa và dùng Thông Biệt Bồ-tát đều có lý sở chứng, cho nên khai lý Tiểu để thành lý Đại, nay khai nhân thiên Tiểu thiện đã thành duyên nhân Đại thiện.

Lại căn cứ năng hưởng thiện thể chưa sâu, nếu từ biên sở thú nói đây, thì đều có lượng tính. Đây luận khai quyền đều căn cứ ở vị đã xem xét. Nếu từ tiến nhập thì tại sao riêng trụ duyên nhân ở trước mà thôi? Trong đây chỉ theo việc đã qua để nói. Việc và người vì kia đã định,

không thể tồn pháp bỏ người, vì vậy cho nên khai làm duyên nhân, lẽ nào chẳng phải như người nghèo được vật báu.

Kinh nói “Bảy thứ châu báu...”: Trong Phật Địa luận không nói Mai khôi, nhưng nói Lưu-ly và Châu thể có khác, Châu tức ngọc đỏ, nay kiêm Lưu ly chỉ thành bảy báu, tách ra thành tám. Pha-lê phần nhiều sắc hồng, Xà-cừ sắc xanh trắng, Mã não sắc hoặc trắng hoặc xanh. “Mộc mật”: Tự Lâm nói: Hương mộc thiết. Ngọc Thiên nói: Cây kia tợ cây hộc mà có hương thơm. Có người nói: trải qua năm năm mới có mùi hương. “Tạo tượng là thiện nghiệp”: như Phật lên cõi trời Đao-lợi dùng sức thần túc chế dạy các đệ tử, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển một nói. Nếu căn cứ Minh Tường Ký thì cõi đây có một trăm mười tám nơi tạo tượng ứng nghiệm, như tượng đá đời Ngô tạo... lại có Ngô Hưng Thái thú đeo nữ trang cho người con gái rồi tượng có cảm ứng... Lại như Tống vệ quân Lâm Khang Vương tại Kinh châu làm nhà ba gian ở trong thành, quanh vách phần nhiều có vẽ tượng Bồ-tát, đến Vệ Dương Văn Vương trấn giữ Giang Lăng phế bỏ làm nhà nghỉ ngơi, đều bằng đất bùn khô bôi thì rơi rớt nên vẽ hình trạng mới sạch rõ ràng không ô uest tổn hại, rồi bôi lại lần nữa cũng vậy vua không tin kính cũng cho là ngẫu nhiên, lại dùng bùn đặc bôi mà thấy thông suốt rõ ràng, vua lại sai hủy bỏ cho nên vách đều sửa đổi lại, sau vua bị bệnh sỏi mỗi khi nhắm mắt liền thấy các tượng rất nhiều rõ ràng. Nơi ấy mới phế bỏ ở đây. Đây hoặc là người tạo tâm trịnh trọng, hoặc là người hủy rất hại, dùng khinh vọng trọng để hủy vọng thành. Phải biết tán tâm thiện vi tế không lỗi, lý không trái thuận mà tâm có đúng sai.

“Kinh Ưu-bà-tắc Giới...”: Trong đây văn ý chánh khai thiện kia không luận tội kia, nhân nêu rõ dụng liên quan tiện giải thích đó thôi! Nay cũng nhân đây y kia lược nêu, cho nên kinh kia rộng nêu tướng năm giới trì phá. Lại nói nếu không trì giới thì gọi là Cấu Ưu-bà-tắc, Xú Ưu-bà-tắc, Chiên-đà-la Ưu-bà-tắc. Nếu trì giới sát thì cho đến con kiến, như trì giới rượu thì cho đến (hạt) giọt sương, đối với năm giới nói trên nếu thêm không giới bán rượu thì gọi là sáu giới trọng. Nay xuất gia tại gia nói trì giới rượu, còn dùng rượu hòa vào thức ăn, một người phạm uống bao nhiêu giọt ư! Còn không bằng Ưu-bà-tắc giới đâu có thể hy vọng Phật đạo ư! Trong năm giới trên lại có chúng phần nhiều thất tội lỗi nơi ý, nay vẫn chưa tận, lại có thất ý, nghĩa là không cúng dường Sư tăng không thăm bệnh, không phát sinh sự cầu xin dư thừa là không nghinh đón, bốn chúng đã từng gieo nhân đời trước, thấy người phá giới, nói họ không như mình (không bằng mình), sáu ngày trai không thọ

tám giới, trong bốn mươi dặm có giảng pháp mà không nghe, thọ nhận tọa cụ sàng tòa của Chiêu-đề tăng, nghi nước có trùng mà uống, đi một mình vào đường nguy hiểm nạn dữ, một mình ngủ đêm ở chùa ni, vì tài mạng nên đánh đập nô tỳ và người ngoài. Giữa đường thấy Tỳ-kheo, thì Sa-di không được đi trước, trong tăng làm thức ăn không được riêng cho (thầy) Bản sư ăn ngon và ăn quá phần, đi đường thấy người bệnh không được không săn sóc, không dẫn dò khiến trị bệnh. Người trì giới như vậy gọi là tịnh, gọi là hương, gọi là Phân-đà-lợi Ưu-bà-tắc. Lại chế Ưu-bà-tắc khiến cúng dường Tam bảo hình tượng tháp miếu các thứ. Họa tượng không được dùng lẫn tạp sữa mỡ gà, cúng dường tượng thời đêm ngày không sai khác, không được dùng dầu tô bôi vào thân tượng và sữa rửa không được tạo tượng bán thân, thân tượng không đầy đủ nên cất dấu, và khuyên người sửa lại, sửa rồi phải đem ra cúng dường, lại thấy hủy tượng như hư hết không còn cách nào khác, dùng báu khắp tứ thiên hạ cúng dường, không bằng dùng các thứ công đức tán thán tôn tượng, chí tâm cúng dường, hai phước không sai khác. Người cúng dường pháp chí tâm tin ưa, thọ trì đọc tụng giải nói viết chép, như pháp mà hành và khuyên người làm, các thứ biên chép mười hai bộ kinh, cúng dường kinh như cúng dường Phật, chỉ trừ khi tắm rửa, gọi là cúng dường Pháp. Cúng dường Tăng: Cần phải cúng dường người phát Bồ-đề tâm người thọ trì giới, người xuất gia, bốn hương bốn quả gọi là cúng dường Tăng. Nay trải qua tiểu thiện mà còn làm nhân Phật hướng chi là thời gian dài chí tâm cúng dường, các thứ đây tuy thuộc tại gia Ưu-bà-tắc, và có chút ít chấp nhận chẳng phải chánh ý vẫn, nhưng để ngăn tội khiến trì, trì tức là thiện nhân thiên, đều có thể khai làm duyên nhân nhưng cũng đều là điểm yếu của người xuất gia tu hành có khả năng làm phép tắc qui cũ, vì vậy cho nên nhân tiện chép ra đây. Nay, kinh muốn thâm nhiếp thiện vi tế từ vô thủy đều hướng đến Bồ-đề. Nếu người đã phát tâm tùy có chút thiện thì đều là duyên nhân. Giới kinh nói: “Nơi dựng lập tượng thì phía trước không được ngồi vân vân”: là lại có nhiều duyên: Nếu nạn vua... thì tùy thời châm chước. Lại kinh Công Đức Tạo Tượng nói có mười một công đức: 1. Đời đời mất thường trong sáng. 2. Sinh nơi nào cũng không gặp ác. 3. Thường sinh trong nhà giàu sang. 4. Thân có màu sắc vàng tía. 5. Giàu sang nhiều trân báu. 6. Sinh trong nhà hiền thiện. 7. Sinh được làm vua. 8. Làm Kim luân vương. 9. Sinh ở cõi Phạm thiên thọ mạng một kiếp. 10. Không đọa vào đường ác. 11. Đời sau sinh trở lại hay kính trọng Tam bảo. Phải biết đâu phải là thiện căn ở Dục giới nhân thiên.

Kinh nói: “Duyên” (chì): Có chỗ nói Tích, nay nói Duyên thì xanh, Tích thì trắng, Duyên (chì) thì mềm, Tích (kẽm) thì cứng đều gọi là “thanh kim” (vàng xanh). Kinh Công Đức Tạo Tượng nói: “Nếu người sắp chết nói tạo tượng” cho đến “như dùng mì bún tạo tượng” thì có thể trừ diệt được tội nặng sinh tử trong ba đời tám mươi ức kiếp. “Miếu” là Mạo. Xưa nói: Chi-đề, nay nói Chế-đa dịch là Linh miếu, nên dùng chữ “Miếu”. Ngọc Thiên và Bạch Hổ chung đều nói là chỗ ở của Tôn mạo. “Lộ-bàn là Đồng bạt”, Trường an cũng không có âm đây, hoặc thanh chuyển đó thôi! Hoặc đương thời có người truyền, Chương An tùy tiện viết. Kinh nói “bối”, hoặc nói “bối nặc”, Trung Hoa gọi là “tán tụng”, phương Tây vốn có. Trung Hoa dựa theo Lương Tuyên Nghiệm ký nói: Trần Tư vương, họ Tào tên Thực, tự Tử Kiến con thứ tư của Ngụy Võ Đế, mười tuổi đã tài giỏi về văn chương nghệ thuật, tự chế tác chuyển bảy thanh. Thực đã từng dạo chơi ở Ngự Sơn trong hang cốc, nghe tiếng tụng kinh trong cốc xa vang ra tiếng hay, liền bắt chước mà chế tác lại âm thanh ấy, Như Kinh Hiền Ngu nói duyên Linh Thanh Tỳ-kheo...

“Âm nhạc cúng dường”: Có trong chúng xuất gia âm nhạc tự tùy. Nói “cúng dường”: Tự tư duy rồi thực hành để tâm nào đi theo? Tuy có văn đây ắt cần phải lựa chọn. Kinh Phạm Võng răn dạy chế phục đầu đội cổ chấp lời nói, chỉ sợ tâm cúng dường thì nhỏ mà làm tăng thêm sự phóng dật của tự thân, tăng trưởng lòng tham mạn cho người khác, kính tưởng khó thành. Cho nên Biệt dịch A-hàm quyển năm nói: Đức Phật ở tại thành Ca-lan-đà có một kỹ nữ tên là Trường Phát bạch Phật rằng: Con xưa từng hầu hạ bên cạnh một kỹ nữ lớn tuổi, nghe nói rằng: Ở trong trường kỹ viện thi thiết các việc đùa giỡn khiến trăm ngàn người đến xem, người ấy khi mạng chung sinh cõi trời Quang Âm, nói như vậy là hư hay thật? Phật dạy: Thôi thôi! Chớ hỏi như vậy. Kỹ nữ lại hỏi lại ba lần như vậy, đức Phật đều không đáp. Lúc bấy giờ đức Như Lai nói với kỹ nữ rằng: Lúc ấy có trăm ngàn người đến xem kỹ nữ, các người ấy vốn bị ba độc trói buộc, lại tạo tác việc phóng dật, lẽ nào không tăng trưởng tham sân si ư? Ví như có người bị sợi dây gai nhỏ như sợi lông trói buộc, nếu đem nước tưới vào thì càng làm tăng thêm sự buộc chặt nữa. Vốn bị ba độc trói buộc, lại làm kỹ nhạc thì sẽ tăng trưởng mạnh lửa tam độc, sau mạng chung sinh lên cõi trời thì không có việc ấy. Người nói như vậy là người tà kiến, mắc quả tà kiến sinh vào địa ngục. Khi Phật dạy lời ấy kỹ nữ khóc lóc. Phật dạy: Vì duyên ấy nên người ba phen thỉnh, ta không nói. Kỹ nữ nói: Con không được nghe Phật dạy nên con khóc, chỉ thương xót cho các kỹ nữ khác lâu nay

thường nói như vậy.

Có người đến đây dẫn các kinh nói: Người nào đem hoa hương âm nhạc cúng dường: thì được Bất thoái. Như kinh Bất Thoái Pháp Luân nói: Đức Phật bảo A-nan lấy một hoa cúng dường Phật và tháp Phật thì cũng được Bất thoái, và kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: Lễ bái sẽ đắc đến Đại Niết-bàn... Người kia đã làm nhân Thật, tức văn này khai thô tức Thật cho nên cùng này văn không theo lệ. Có người dẫn Đại luận nói tiểu nhân đại quả, không theo lệ cũng vậy. “Độ ngã có thể thi chúng sinh”: Nếu luận “độ ngã” nên tại cơ vật (căn cơ chúng sinh). “Thi” là thi thiết, nay đức Thích-ca nhân nghe mười phương chư Phật ủy dụ bèn xưng “Nam-mô” để đáp lời chư Phật. Cho nên, biết rằng đức Thích-ca không thỉnh chư Phật độ. Từ “Kinh Ngũ Giới” cho đến “thi Phật”: là căn cứ theo Phật cũng không có lý kinh sợ. Y trong thí dụ dưới: Trưởng giả nghe rồi kinh sợ vào nhà lửa, pháp thân tư duy căn cơ nghĩa đáng kinh sợ. “Mừng xưng Nam-mô Phật”: tức là trong đáp thuận giải thích (xưng) Nam-mô chư Phật.

“Kinh Ngũ Giới giải thích Quy mạng vân vân”: “Kinh Na-tiên...” kinh kia nói: Na-tiên lúc nhỏ có Cố Cự làm vua nước ngoài biên, giỏi tài văn nạn, có nhiều vấn đáp cũng có thể kiêm giải thích nghi nhỏ. Na-tiên nói các Sa-môn thuyết lửa thế gian nóng không bằng lửa địa ngục. Vua nói: Đem viên đá nhỏ đặt trong lửa thế gian cho đến chiều thì đá cũng không tiêu. Lấy cục đá lớn để trong lửa địa ngục Nê-lê tức liền tiêu, tại sao người chết đọa nơi địa ngục Nê-lê trăm ngàn vạn năm lại không tiêu? Na-tiên hỏi: Cá thường luồng ở dưới nước lấy đá làm thức ăn phải không? Vua nói: Đúng vậy. Na-tiên hỏi: Đá tiêu chẳng? Vua nói: Tiêu, Na-tiên nói: Trứng cá trong bụng cá có tiêu không? Vua nói: Không tiêu. Na-tiên hỏi: Vì sao không tiêu? Vua nói: Do phước đức khiến như vậy. Na-tiên nói: Ở trong địa ngục ác nghiệp chưa hết nên không tiêu, cũng như lang sói ăn xương thì xương tiêu, nhưng sói con ở trong bụng sói mẹ thì không tiêu.

Vua lại hỏi: Phật có tướng tốt không? Đáp: Có. Vua hỏi: Đức Phật có cha mẹ không? Đáp: Không. Vua hỏi: Đức Phật cũng không có người sinh ra tựa như cha mẹ ư? Na-tiên nói: Vua thấy hoa sen không? Đáp: Có thấy. Lại hỏi: Sinh từ dưới bùn phải không? Đáp: Sinh từ bùn. Na-tiên nói: Lễ nào hoa sen vì sinh từ bùn mà tựa như bùn ư? Đức Phật cũng như vậy.

Vua lại hỏi: một người chết sinh ở nước Kế Tân, một người chết sinh ở ngục Nê-lê thì ai đến trước? Na-tiên nói: Như hai con chim cùng

bay từ kia đến đây, một con đậu trên cành cây cao một con đậu dưới cây thấp, hai con chim cùng bay con nào xuống đất trước? Vua nói: hai con cùng xuống đất. Vua nói: Hay thay! Hay thay! Các văn khác đều chẳng phải chánh ý số, nhân tiện biết điều đó cũng là để tăng trí phá tà để hiển bày niệm Phật.

“Kinh Bồ-tát Xử Thai, kinh Báo Ân nói, Hoa Lâm hội...”: Kinh nói: Hội thứ nhất độ chín mươi sáu ức người, hội thứ hai độ chín mươi bốn ức người, hội thứ ba độ chín mươi hai ức người, đều là người sơ giáo đắc quả. Ở chỗ đức Phật kia đến thời thứ năm đều được hiểu. “Nếu theo lệ thì trên...”: bên trên văn lục độ sau kết tam giáo làm ba câu này. Nay liễu nhân trí cũng lại như vậy, đều khai thiên tiểu để thành nơi Thật, lại nói song phi bắt đầu từ Tam tạng Bồ-tát cũng khác phạm phu Tiểu thừa, cho đến Biệt giáo địa tiền đều phải khai. Nhưng cũng phải biết nguyên do khai. Nếu tâm thô cảnh diệu thì chỉ khai tâm kia, như dùng tướng tâm trì kinh Pháp Hoa, như nghe một câu, một bài kệ Pháp Hoa... Nếu cảnh thô tâm diệu, cảnh đã tùy chuyển thì không cần luận khai. Nếu tâm cảnh đều thô thì tâm cảnh đều khai, cũng có thể chỉ khai tâm kia thì cảnh đều chuyển. Đạo lý ấy phải biết khéo thể nghiệm tánh thì mới gọi là khai. Tóm lại mà nói tâm cảnh đều khai. Còn khai được bốn ác thô trí lâu xa, hướng chi nhân thiên trí. Nếu không khai thì tri kiến Phật vĩnh viễn vùi chôn trong bốn ác chìm hẳn trong nhân thiên.

Hỏi đáp ý: Khai chút thiện nhỏ trong quá khứ kia chính là kích động tâm chấp trong hiện tại. Đã được quá khứ Phật khai xong. Sở dĩ sau khi Phật diệt độ nghe một câu kinh nói được thọ ký là nêu lên chìm mất hướng chi sâu! Đều là dự định khai tâm kia khiến thành tâm cảnh đều diệu. Nếu có người sau khi Phật diệt độ nghe kinh này không tin, còn trao cho đức Phật sau ở trong hội Pháp Hoa vì họ khai tâm kia. Ý kinh chính nói: Ba đời đều khai, ta lẽ nào lại không như vậy?

“Chư Phật đời vị lai...” hai hàng tụng Giáo nhất. Kinh văn đã nói: “Dầu nói” và “Cho nên nói” thì biết là “Giáo nhất”. Ba câu trong hàng đầu, nói “Dầu nói trăm ngàn ức...” là chỉ Thất phương tiện hết thấy thuyết Quyền, đồng thành liễu nhân. “Kỳ thật vì Phật thừa” một câu nói rõ ý thuyết Quyền. “Chư Phật lưỡng túc tôn” trở xuống, một hàng: nêu rõ nguyên do nói Nhất. Do biết “vô tánh” mà tu tịnh duyên, khiến được thành tựu năng diễn nói thừa đây. “Biết pháp thường vô tánh...”: Đến lý Nhất thật thì Tánh tướng nhị Không. Vô tánh tánh Không tức không có bốn tánh. Đã nói “Thật tướng không có tự tánh...”, cho nên biết tức là lý tánh tánh Không. Tánh Không đã vậy, tướng Không căn cứ đây mà

biết. Vô tánh cũng không có, tức là tướng Không. Cho nên biết trong kinh nói một Vô tánh là đủ hai Vô tánh, tức là Vô tánh tánh, và Vô tướng tánh. Vốn tự có cho nên nói “thường vô”. “Biết” là chiếu, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm. Trong cảnh bất tư nghì thì “Nhất niệm tam thiên phi tự tha...”: Đã không có bốn tánh thì nhất niệm cũng không có, tức là tánh Không. Đã không có nhất niệm, thì “vô niệm” cũng không có, tức là tướng Không, tức là nhị Không bất tư nghì. Nếu không hiểu nay dựa theo Trí luận, Trung luận... chuẩn theo lý theo nghĩa, duyên nơi tâm tánh, lập hai Không đây thì các thứ khác không thể chuẩn theo đây. Không phải dùng pháp tướng mà sánh kịp, cho nên nơi thật đạo cần phải “nhàn tu tánh”. Hoặc là vốn tự hai Không, tức là tánh đức. Hoặc là xét nghiệm nhập Không, tức là tu đắc. Suy xét mà không thành thì cần phải tu vạn hạnh, chánh và trợ hợp hành. Trong hạnh đầy đủ tất cả các hạnh thì mới gọi là Duyên nhân, nghe nghĩa đây rồi mới gọi là khai.

Hỏi: Thế gian nhân duyên có thể dùng bốn câu để hiểu rõ sinh vô sinh, nay tánh vốn tịnh chẳng liên quan đến duyên khởi thì đâu cần dùng bốn câu này để suy tìm ư?

Đáp: Pháp duyên khởi thế gian cũng vốn vô sinh chỉ do tình chấp cho rằng đó là sinh, lý tánh cũng vậy. Do cho rằng tự tha bình đẳng nên cần phải suy xét. Nhị Không không hiển bày thì còn phải lại tiếp tục đợi suy tìm hướng chỉ nhân duyên ư? Tự có truyện nói đến nghĩa đây ít có người hiểu tánh tướng đây tam giả.

Hỏi: Văn nay vì sao không lập quán này ư?

Đáp: Kinh từ lợi căn thì khai.

“Phật chủng..”: Chú gia nói: Không có tánh Không hữu, thì gọi là Vô tánh. Kham nối tiếp Bồ-đề thì gọi là “chủng”. Như đây giải thích: Đây từ tu mà đắc, chưa hiểu biết tánh chủng. Gia Tường nói: “Vô tánh, là chỉ nói vô tự tánh”, lại dùng ba nghĩa mà giải thích “Phật chủng”, nghĩa là Nhất thừa giáo, Bồ-đề tâm và Như Lai tạng. Giáo và phát tâm chỉ là chủng duyên, tuy tức nói “Tạng” mà không nói “Không cùng Bất không” và Hạnh Lý, cho nên không biết trong Nhân là tại nhân nào mà thành chủng thành tánh? Cho nên, trong “ba nhân: Chánh, Duyên, Liễu” cần phải biết tánh chủng, cái gọi là ba đường. Tiếp, biết loại chủng tức đàn chỉ... Nhưng nên biết duyên khởi thông cả nhiễm tịnh mà lý chẳng phải nhiễm tịnh duyên khởi rõ ràng. Tịnh duyên khởi đây tức là nói nguyên do, nêu rõ do tịnh duyên từ nhân đến quả và lý bất tư nghì cảm ứng, cho nên lấy đây làm chủng duyên kia. Chỗ khác nói: là do thiện

căn lực của hành giả. Về Như Lai thức thì văn nghĩa tương sinh, đầy đủ như văn trước phá trong giải thích “Nghe”. Ở trong đó phần đầu nói trung đạo, dưới lập bản vô tánh làm bản tánh đức, nên biết chủng này tức chủng tánh gia cho nên trở lại lập vô tánh làm gốc (bản). Vì muốn nêu rõ “tánh gia duyên khởi” nên nói “chủng”. Chủng là nghĩa sinh, tức như ở trước đã nói mười pháp giới mỗi giới như lý tánh câu tánh đều là chủng, đầy đủ như trước giải thích. “Mê lý này...”: song nêu nhiệm tịnh hai chủng duyên khởi, trước nêu nhiệm sau nêu tịnh. Trong nêu nhiệm thì do vô minh cho nên làm pháp tánh duyên, do duyên mê mà khởi chín giới, mỗi giới, tam thiên sự duyên khởi tức là tánh chủng từ duyên mê. Khởi nơi chúng sinh, tức là chân như tùy nơi nhiệm duyên.

“Giải thích lý này...” nêu tịnh duyên khởi, tức nghe Nhất thừa giáo, khởi Nhất thừa hạnh, hạnh thông nhân quả, năng thành Chánh giác. “Muốn khởi...”: Thành chánh giác rồi thì năng vì người khác mà nói, cho nên nói Nhất thừa tại Giáo nhất, tức “quả Phật chủng” từ Tịnh duyên khởi. “chúng sinh Phật chủng” từ Thuyết duyên khởi. Như thế cũng thông đường làm nhiệm tịnh, cũng có thể mười pháp giới triển chuyển xen lẫn mà luận. Nay nêu rõ Phật thừa thì phải dùng chín giới đều gọi là nhiệm. “Lại, Vô tánh... “: Dùng Duyên giúp Liễu, Chánh, nêu rõ công năng Duyên Liễu tương thành. Đối Chánh mặc dù như vậy nhưng nếu luận hạnh thể thì mỗi mỗi đều ba nhân đầy đủ tức tu đắc. Chủng quả đã thành nên gọi là “đắc khởi”. “Nhất khởi nhất thiết khởi”: là hiển tướng quả thừa. Y chánh, chủ bạn, cho đến báo đáp nhân nhất trần nhất hạnh nhất thời đều khởi. “Khởi” là thành. “Như đây...”: là kết quả thừa thành tướng, tu tánh nhất hợp không còn phân rộng nữa, tức là lý tánh ba nhân khai phát. Thông danh “ba tánh”, từ đây trở đi không thể cải đổi. Đây là giải thích kinh trực tiếp từ Khai nói, nêu đủ tu tướng, dựa theo Chỉ Quán nói mười pháp thành thừa. Trong cảnh đầy đủ kiêm tu tánh, tánh chủng, chánh hạnh làm liễu, trợ khai làm duyên, hai mươi lăm pháp là tiền phương tiện. Biện rõ chín pháp dưới, nêu xét rõ về tu phát, giáo hạnh chánh trợ đều là lý. Lý nhất tức là sở trụ pháp vị thế gian tướng thường. Nếu không vậy thì y cảnh tu tập dựa tâm không có địa, cho nên biết tu tánh đều có tự tha. Trước trong suy tìm tánh thì không nêu vị tha, y đây khởi hạnh thì mới suy tìm hạnh tha, dùng hai tha đây cộng suy tìm một tự. Nếu suy tìm tánh thì lên xuống đạt lý. Nếu suy tìm tu thì ly chấp hạnh thành. Do tánh bản vong, mất vào lúc mới tu, vậy thì hai chiếu đồng nêu, song hoặc đều bỏ. Như vậy mới hiểu rõ nhiệm tịnh duyên khởi, vô thủy vô bản đều quy Nhất như. Lại từ tịnh

duyên có chỗ nói là biên, cho nên nói Giáo nhất. Cho nên Ngũ Phật nói lý Đại đặc thù mà không khác. Nếu không vậy thì lẽ nào nhân duyên sự dẫn bốn Đức Phật đồng.

Trong “Lý nhất” nói “Pháp đó trụ pháp vị...”. Đầu là “pháp” chánh chỉ Lý nhất. Thế nhân đều gọi là lý tánh bản tịnh, lý nếu bản tịnh thì cần gì tu? Nếu bản không tịnh thì tu cũng không thành. Nay nói lý tịnh chẳng phải đã tịnh. “Chúng sinh...”: là giải thích “trụ pháp vị”. “Chúng sinh chánh giác” là trùng xuất pháp đó, pháp bất xuất Như, đều Như, là “vị”, chúng sinh về lý là Phật, đã chứng lý đó, cho nên gọi là “Trụ”. Bởi vì Như là Vị nhất cho nên gọi là “vị”. Pháp tịnh hay nhiễm đều gọi là “pháp”. Nhiễm gọi là “chúng sinh”, tịnh tức là “Chánh giác”. “Chúng sinh chánh giác” là pháp năng trụ, nhiễm tịnh nhất như là vị sở trụ. Phân cuộc định hạn cho nên gọi là “vị”. Vị không có hai tên, đồng lập “nhất như”, không xuất chân như cho nên chỉ hạn cuộc đây. Hạn cuộc đây tức thông khắp tất cả; là tột cùng của hạn cuộc, là thịnh của nghĩa thông. Như địa vị vua ở thế gian là sở trụ của người, “vị” cũng là tánh bởi vì không thể sửa đổi, như tánh nhân vương trước sau không sửa đổi. Áo vải, với lên ngôi cao tột tuy tướng khác mà tánh nhất. “Thế gian tướng thường trụ”: Tướng có thể nêu cờ xí, vị có thể ở lâu. Chúng sinh Chánh giác tướng vị không hai, hiển mê tức lý, lý tức thường trụ. Phật đã khế hợp thường, chúng sinh lý ấy, cho nên Chánh giác chúng sinh tướng vị thường trú. Nhiễm tịnh tướng vị đã đồng nhất. Như vậy cho nên tướng vị lý đó phải bình đẳng. Phật y thế gian tu thành lý cùng cực, nghiệm biết thế gian vốn có lý đây, cho nên nói thường trụ.

Hỏi: Vị có thể Nhất như, tướng như thế nào bình đẳng?

Đáp: Vị thì căn cứ lý tánh, quyết không thể sửa đổi. Tướng thì căn cứ tùy duyên, duyên có nhiễm tịnh. Duyên tuy nhiễm tịnh, đồng gọi là duyên khởi. Như sóng nước có đục có trong, mà tánh ướt thì không khác. Đồng dùng tánh ướt làm sóng, nên đều dùng Như làm tướng. Đồng dùng sóng làm tánh ướt, cho nên đều lấy Như làm vị. Sở dĩ “tướng” cùng “thường trụ” danh kia tuy đồng mà nhiễm tịnh đã phân, Như vị cần phải biện rõ, huống chi danh xưng “thế gian” cũng thông nhiễm tịnh nhân quả. Và lại, nay từ ngộ hiển mê, dùng tịnh hiển nhiễm, thì tịnh ngộ đặc nơi thường sự, mê nhiễm chỉ gọi là “lý thường”. Lại danh xưng “thế gian” thông thân Y báo Chánh báo, danh xưng “thường trụ” không ngại hai đường cho nên nói “Lý nhất”. Nếu không hiểu như thế, thì uổng nói Khai quyền thì làm sao hiển thật? Cho nên nay hỏi pháp bị khai đó, duy nhất chỉ tin Phật nói vì cũng sửa đổi mê. Tuy bốn pháp bao hàm vì người

thu nhiếp, mà đắc ý quên lời thuyết bất khả tận.

“Lại, giải thích...”: riêng căn cứ sinh để giải thích “thế gian tướng thường”. Trước đã giải thích mặc dù sự lý thông tổng, mà chưa chỉ bày một cách đích xác lý cảnh sở tại, cho nên dùng ấm nhập đối Chánh nhân mà nói, chín giới ấm nhập vị vốn thường trụ.

